

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày tháng năm 2025

(DỰ THẢO 2)

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn
tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15; Luật Viên chức số 58/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nêu rõ: “Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút, sử dụng nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao”;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công

chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội; Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng;

Căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm; Nghị định số 60/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2025 của Ban Văn hóa- Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật; hằng năm, ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch, chỉ tiêu và danh mục chuyên ngành thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nghề thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực của tỉnh theo Quy định này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa ... - kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXX.

CHỦ TỊCH

Trịnh Việt Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030

*(Kèm theo Quyết định số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, đãi ngộ được thực hiện đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Ủy ban mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã trên cơ sở nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế của cơ quan, đơn vị phù hợp với mục tiêu chung của tỉnh.

2. Chỉ thực hiện chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo đối với người học các chuyên ngành thuộc các lĩnh vực trong danh mục cần thu hút, hỗ trợ đào tạo do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định (gồm cả các lĩnh vực của các cơ quan Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội).

3. Người được hưởng chính sách thu hút thì không được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo và ngược lại.

4. Trường hợp người được thu hút có nhiều bằng cấp chuyên môn hoặc danh hiệu cao quý thì chỉ được hưởng chính sách thu hút đối với bằng cấp hoặc danh hiệu cao nhất; người có đủ điều kiện hưởng nhiều mức hỗ trợ, đãi ngộ cùng loại, chỉ áp dụng mức hỗ trợ, đãi ngộ cao nhất.

5. Trường hợp không được hưởng chính sách này bao gồm: Cán bộ, công chức, viên chức tự đi đào tạo nâng cao trình độ hoặc đào tạo theo các chuyên ngành không thuộc danh mục Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; sinh viên là người Lào Cai đang trong thời gian được tinh cử đi đào tạo đại học theo chế độ cử tuyển; các đối tượng đang hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo từ các chương trình, đề án của các Bộ, ngành trung ương, hưởng học bổng toàn phần từ nguồn tài trợ của chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế.

6. Người hưởng chính sách đãi ngộ phải giữ đúng vị trí việc làm theo quy định, thực hiện nhiệm vụ chuyên trách. Phụ cấp đãi ngộ được chi trả cùng kỳ lương hàng tháng, không dùng làm căn cứ để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. Thời gian không tính hưởng phụ cấp đãi ngộ gồm thời gian nghỉ chế độ thai sản; nghỉ việc riêng không hưởng lương; thời gian đi học liên tục, nghỉ ốm, bị tạm đình chỉ công tác từ 01 tháng trở lên.

7. Không áp dụng chính sách này đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các đơn vị lực lượng vũ trang, các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo Quy định này.

Chương II

CHÍNH SÁCH THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Thu hút về làm việc tại các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy; các cơ quan hành chính cấp tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; công chức thuộc đảng ủy, UBND cấp xã (sau đây gọi tắt là công chức cấp tỉnh, cấp xã):

a) Những người có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ (có chuyên ngành đào tạo theo danh mục quy định của UBND tỉnh), thạc sĩ y khoa, bác sĩ CK II, bác sĩ CK I; người có danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú trong lĩnh vực Văn hóa nghệ thuật;

b) Sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo quy định tại khoản 2, Điều 4, Nghị định 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội;

c) Sinh viên tốt nghiệp đại học (hệ chính quy) loại **xuất sắc** tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước hoặc nước ngoài (là những cơ sở giáo dục đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận) có chuyên ngành thuộc các chuyên ngành được quy định trong danh mục thu hút của UBND tỉnh;

d) Người làm công chức, viên chức lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại các cơ quan, địa phương (trừ các cơ sở giáo dục và đào tạo):

Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên, hệ chính quy các trường: Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học FPT, Học viện Công nghệ Bưu chính-Viễn thông thuộc các chuyên ngành đào tạo theo danh mục quy định của UBND tỉnh; tốt nghiệp loại giỏi hệ chính quy các ngành công nghệ thông tin thuộc trường Đại học khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận.

2. Thu hút Lĩnh vực sự nghiệp Y tế (các đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh, xã):

a) Những người có trình độ: Tiến sỹ y khoa, bác sỹ chuyên khoa II, thạc sỹ y khoa, bác sỹ chuyên khoa I, bác sỹ nội trú;

b) Những người có trình độ: Tiến sỹ, chuyên khoa II, thạc sỹ chuyên ngành Dược;

c) Bác sỹ đa khoa (đào tạo hệ chính quy).

3. Thu hút vào lĩnh vực Giáo dục và đào tạo

a) Thu hút giảng viên, giáo viên cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Người có trình độ thạc sỹ, bác sỹ chuyên khoa I trở lên, đủ điều kiện để tuyển dụng, tiếp nhận vào làm giảng viên dạy lý thuyết hoặc giáo viên dạy thực hành tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh.

b) Thu hút giáo viên phổ thông: Người có trình độ Đại học sư phạm ngoại ngữ, tin học và một số chuyên ngành khác trong danh mục chuyên ngành cần thu hút của tỉnh tự nguyện về công tác tại các cơ sở giáo dục thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh;

c) Thu hút giáo viên cho các trường phổ thông chuyên biệt của tỉnh (gồm các trường: Phổ thông dân tộc Nội trú tỉnh; Trường THPT chuyên):

- Tốt nghiệp loại giỏi (hệ chính quy) Trường Đại học sư phạm Hà Nội; loại khá (hệ chính quy) Trường Đại học sư phạm Hà Nội và loại giỏi (hệ chính quy) các trường đại học sư phạm khác, đồng thời trước đó đã từng đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi trung học phổ thông các môn văn hóa từ cấp tỉnh trở lên (môn đạt giải là chuyên ngành được đào tạo tại trường đại học sư phạm). Người dự tuyển phải có năng lực ngoại ngữ đạt bậc 3 theo khung 6 bậc của Việt Nam;

- Đối với chuyên ngành ngoại ngữ: Sinh viên tốt nghiệp đại học sư phạm ngoại ngữ hoặc đại học ngoại ngữ theo đúng chuyên ngành cần tuyển, đạt loại giỏi trở lên và có chứng chỉ năng lực ngoại ngữ quốc tế: Đối với Tiếng Anh đạt 7.0 điểm IELTS trở lên hoặc chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương; đối với Tiếng Trung có chứng chỉ HSK 5 trở lên;

d) Thu hút giảng viên cho Trường chính trị tỉnh

Người có học hàm, học vị Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sỹ về lĩnh vực xây dựng Đảng, quản lý công, chính sách công.

Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với người được thu hút

1. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.

2. Có trình độ, chuyên ngành đào tạo phù hợp với khung năng lực vị trí việc làm và được tuyển dụng theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm; người có trình độ sau đại học phải có bằng tốt nghiệp đại học loại khá, giỏi trở lên theo yêu cầu của từng lĩnh vực, chuyên ngành, vị trí thu hút.

3. Đối với người được thu hút bằng hình thức tiếp nhận không quá 50 tuổi đối với nam và không quá 45 tuổi đối với nữ; đối với người được thu hút bằng hình thức tuyển dụng không quá 35 tuổi (tại thời điểm hưởng chính sách).

4. Có chứng nhận đủ sức khỏe để làm việc của cơ quan y tế có thẩm quyền.
5. Có cam kết làm việc tại tỉnh Lào Cai tối thiểu 10 năm và thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người được thu hút.
6. Không bị kỷ luật hoặc trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 5. Hình thức thu hút, tuyển dụng

1. Tiếp nhận đối với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm thực hiện thu hút.
2. Tuyển dụng vào viên chức thông qua hình thức xét tuyển đối với các đối tượng chưa phải là cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.
3. Tuyển dụng vào công chức thông qua hình thức xét tuyển hoặc thi tuyển đối với các trường hợp chưa phải là cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Mức hỗ trợ thu hút

1. Mức thu hút làm công chức cấp tỉnh, cấp xã:
 - a) Tiến sĩ (thuộc các chuyên ngành theo danh mục thu hút của UBND tỉnh ban hành): 550 triệu đồng/người;
 - b) Người có danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú trong lĩnh vực Văn hóa nghệ thuật: 200 triệu đồng/người;
 - c) Thạc sĩ (thuộc các chuyên ngành theo danh mục thu hút của UBND tỉnh ban hành): 150 triệu đồng/người; riêng các nhóm ngành thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin: 180 triệu đồng/người;
 - d) Sinh viên tốt nghiệp đại học (hệ chính quy) loại xuất sắc trở lên tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước hoặc nước ngoài với các chuyên ngành được quy định trong danh mục thu hút của UBND tỉnh được hỗ trợ 100 triệu đồng/người;
 - e) Người có trình độ đại học (hệ chính quy) loại giỏi trở lên các chuyên ngành nghệ thuật (thuộc danh mục quy định của UBND tỉnh): 100 triệu đồng.
2. Mức thu hút vào lĩnh vực sự nghiệp Y tế:
 - a) Tiến sĩ: 550 triệu đồng/người;
 - b) Bác sĩ chuyên khoa II, Dược sĩ chuyên khoa II: 200 triệu đồng/người;
 - c) Bác sĩ nội trú: 450 triệu đồng/người;
 - d) Thạc sĩ y khoa, Bác sĩ chuyên khoa I: 150 triệu đồng/người;
 - e) Bác sĩ y khoa (Bác sĩ đa khoa):
 - Công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập tuyển tỉnh: tốt nghiệp loại Giỏi: 120 triệu đồng/người; tốt nghiệp loại Khá: 70 triệu đồng/người;
 - Công tác tại Bệnh viện Đa khoa khu vực, Trung tâm Y tế khu vực: tốt nghiệp loại Giỏi: 140 triệu đồng/người; tốt nghiệp loại Khá: 100 triệu đồng/người; tốt nghiệp loại Trung bình, Trung bình Khá: 60 triệu đồng/người;

- Công tác tại các Trạm Y tế xã, phường: tốt nghiệp loại Giỏi: 160 triệu đồng/người; tốt nghiệp loại Khá: 120 triệu đồng/người; tốt nghiệp loại Trung bình, Trung bình Khá: 90 triệu đồng/người.

3. Mức thu hút vào lĩnh vực Giáo dục và đào tạo, công nghệ thông tin, chuyển đổi số

- a) Người có học hàm giáo sư: 1.500 triệu đồng;
- b) Người có học hàm phó giáo sư: 1.000 triệu đồng;
- c) Người có học vị Tiến sĩ: 550 triệu đồng;
- d) Bác sĩ chuyên khoa 2, Bác sĩ nội trú: 200 triệu đồng;
- e) Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa 1, thạc sĩ y khoa: 150 triệu đồng;
- f) Tốt nghiệp đại học thủ khoa: 100 triệu đồng/người;
- g) Tốt nghiệp đại học loại giỏi: 70 triệu đồng/người;

4. Sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo quy định tại khoản 2, Điều 4, Nghị định 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội thì được hỗ trợ thêm (hỗ trợ một lần) 20% mức hỗ trợ tương ứng với từng trình độ quy định tại khoản 1, Điều này.

Điều 7. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người được thu hút

1. Chấp hành sự phân công công tác của cấp có thẩm quyền.
2. Thời gian công tác theo cam kết tại đơn vị được thu hút, tuyển dụng tối thiểu là 120 tháng (10 năm) tính từ khi được tuyển dụng. Riêng bác sĩ về công tác tại cơ sở y tế tuyến xã, thời gian công tác tối thiểu 05 năm.
3. Trong thời gian thực hiện cam kết làm việc tại đơn vị thu hút, tuyển dụng, nếu người được thu hút tự ý bỏ việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc; chuyển công tác đến cơ quan, đơn vị khác ngoài tỉnh; không chấp hành sự phân công công tác; kết quả công tác 02 năm liên tục có 01 năm đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ và có 01 năm đánh giá, xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ thì phải chịu trách nhiệm bồi thường gấp 02 lần kinh phí thu hút đã được nhận.

Chương III

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

Điều 8. Đối tượng áp dụng

1. Viên chức ngành giáo dục và đào tạo được cử đi đào tạo sau đại học ở trong và ngoài nước phù hợp với chuyên ngành đào tạo ở bậc đại học (hoặc bậc

sau đại học) và vị trí việc làm. Các chuyên ngành đào tạo thuộc danh mục chuyên ngành cần hỗ trợ đào tạo do UBND tỉnh ban hành.

2. Viên chức ngành Y được cử đi đào tạo sau đại học ở trong và ngoài nước theo các nhóm ngành, chuyên ngành hỗ trợ đào tạo do UBND tỉnh ban hành, bao gồm các trình độ: tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa II, thạc sĩ.

3. Sinh viên đại học y khoa của các cơ sở giáo dục đại học đào tạo chuyên ngành y khoa; sinh viên đã tốt nghiệp đại học y khoa trúng tuyển đào tạo bác sĩ nội trú đăng ký về tỉnh công tác sau khi tốt nghiệp được hỗ trợ đào tạo theo hình thức hợp đồng thỏa thuận.

4. Học sinh các Trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú và các trường Trung học phổ thông ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới trên địa bàn tỉnh Lào Cai thi đỗ đại học chuyên ngành sư phạm tiếng Anh, đại học nhóm ngành công nghệ thông tin đăng ký về tỉnh Lào Cai công tác sau khi tốt nghiệp (tạo nguồn giáo viên tiếng Anh, nguồn công chức, viên chức làm nhiệm vụ an toàn, an ninh thông tin, chuyển đổi số).

5. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Đại biểu HĐND cấp xã không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cử tham gia các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ khác; quần chúng ưu tú ở thôn, tổ dân phố tham gia bồi dưỡng đối tượng Đảng, đảng viên mới.

Điều 9. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với viên chức được cử đi đào tạo sau đại học, hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 6, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; tốt nghiệp đại học loại khá trở lên và có chuyên ngành đào tạo cùng ngành đào tạo ở bậc đại học hoặc bậc sau đại học quy định tại danh mục chuyên ngành hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng do UBND tỉnh ban hành.

2. Đối với bác sĩ nội trú:

a) Trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận trong thời gian đang học bác sĩ nội trú được tạo điều kiện tiếp tục tham gia khóa đào tạo và cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo phải thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị y tế công lập của tỉnh Lào Cai trong thời gian ít nhất 02 lần thời gian đào tạo;

b) Sinh viên đang học Bác sĩ nhóm ngành Y học (đào tạo bác sĩ đa khoa) trúng tuyển đào tạo bác sĩ nội trú đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh phải cam kết đỗ kỳ tuyển dụng viên chức gần nhất sau khi tốt nghiệp (tham gia dự tuyển tối đa 02 kỳ thi). Kể từ ngày được tuyển dụng phải thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị y tế công lập của tỉnh Lào Cai trong thời gian ít nhất 02 lần thời gian đào tạo.

3. Sinh viên y khoa, sư phạm, công nghệ thông tin đăng ký hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh phải có cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trở về phục vụ công tác tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh Lào Cai tối thiểu 10 năm.

Điều 10. Mức hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

1. Mức hỗ trợ đào tạo sau đại học ở trong nước đối với viên chức

a) Đào tạo trình độ tiến sĩ: 150 triệu đồng (riêng viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 160 triệu đồng);

b) Đào tạo trình độ thạc sĩ: 50 triệu đồng (riêng viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 55 triệu đồng);

c) Đào tạo trình độ bác sỹ chuyên khoa 2: 110 triệu đồng (riêng viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 120 triệu đồng);

d) Đào tạo trình độ bác sỹ chuyên khoa 1: 80 triệu đồng (Riêng viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 85 triệu đồng).

2. Mức hỗ trợ đào tạo sau đại học ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức

a) Đào tạo trình độ tiến sỹ: 1.000 triệu đồng (riêng cán bộ, công chức, viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 1.100 triệu đồng);

b) Đào tạo trình độ thạc sỹ: 500 triệu đồng (riêng cán bộ, công chức, viên chức nữ hoặc người dân tộc thiểu số 550 triệu đồng);

c) Nếu có học bổng một phần thì được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ từng trình độ theo điểm a, điểm b khoản này.

3. Mức hỗ trợ sinh viên là Bác sỹ nội trú cam kết về tỉnh công tác: 350 triệu đồng/người. (Ngân sách tỉnh 200 triệu đồng; cơ quan, đơn vị tiếp nhận 150 triệu đồng)

4. Mức hỗ trợ sinh viên đại học y khoa, đại học sư phạm, đại học công nghệ thông tin cam kết về tỉnh công tác:

a) Hỗ trợ 100% học phí theo quy định của cơ sở đào tạo tính từ năm học sinh viên bắt đầu đăng ký;

b) Tiền sinh hoạt phí hàng tháng tùy theo năm học và học lực, cụ thể: Năm học thứ nhất: 3 triệu đồng/tháng; từ năm học thứ hai hỗ trợ tùy theo học lực: Học lực giỏi: 4 triệu đồng/tháng; Học lực khá: 3,5 triệu đồng/tháng; Học lực trung bình: 3 triệu đồng/tháng;

c) Thời gian hỗ trợ: 10 tháng/năm học. Số năm hỗ trợ tối đa đối với sinh viên đại học y khoa: 06 năm (tương đương 60 tháng); đối với sinh viên đại học công nghệ thông tin: 05 năm (tương đương 50 tháng); đối với sinh viên đại học sư phạm: 04 năm (tương đương 40 tháng).

5. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, Đại biểu HĐND cấp xã không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cử tham gia các lớp bồi

dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và các kiến thức bổ trợ khác; quần chúng ưu tú ở thôn, tổ dân phố tham gia bồi dưỡng đối tượng Đảng, đảng viên mới được hỗ trợ:

- a) Tiền ăn 80.000 đồng/người/ngày;
- b) Tiền nghỉ (nếu cơ sở đào tạo, bồi dưỡng không bố trí được chỗ nghỉ) 150.000 đồng/người/ngày;
- c) Tiền đi lại 01 lượt đi, về theo giá thực tế.

Điều 11. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng

1. Chấp hành tốt nội quy, quy chế và chịu sự quản lý của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tham gia khóa học và phải đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ học tập.

2. Sau khi kết thúc khóa học, phải báo cáo kết quả học tập với cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng, quản lý đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để quản lý, theo dõi; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ đã cam kết; chấp hành sự phân công, bố trí công tác của cấp có thẩm quyền và của cơ quan, đơn vị.

3. Cán bộ, công chức, viên chức đi học theo chính sách hỗ trợ đào tạo của tỉnh mà không hoàn thành chương trình, nội dung khóa học; không được công nhận kết quả học tập; không thực hiện đúng nội dung cam kết sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật đối với Cán bộ, công chức, viên chức và phải đền bù chi phí đào tạo theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức hoặc Điều 8, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hoặc đền bù chi phí đào tạo theo hợp đồng hỗ trợ đào tạo.

4. Sinh viên được hỗ trợ đào tạo theo hình thức hợp đồng thỏa thuận phải đền bù số tiền gấp 03 lần chi phí hỗ trợ đào tạo đã được hưởng khi thuộc một trong các trường hợp:

- a) Tự ý bỏ học trong thời gian đào tạo;
- b) Đã hoàn thành chương trình đào tạo nhưng không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp;
- c) Đã hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp văn bằng tốt nghiệp nhưng không đăng ký tham gia tuyển dụng tại kỳ tuyển dụng viên chức của tỉnh Lào Cai tại 02 kỳ thi gần nhất hoặc đăng ký tham gia tuyển dụng nhưng không trúng tuyển;
- d) Được tuyển dụng nhưng đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 9 Quy định này;

e) Trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đền bù chi phí đào tạo của cơ quan có thẩm quyền, đối tượng phải nộp trả kinh phí đầy đủ. Nếu không hoàn trả đầy đủ thì bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC KHU VỰC NÔNG THÔN, VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Điều 12. Đối tượng áp dụng

Người lao động, học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tốt nghiệp trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo, công dân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an tham gia học nghề thuộc các nhóm ngành nghề phi nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ

Đối tượng theo Điều 12 quy định này được hỗ trợ đào tạo nghề phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Lào Cai.
2. Đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đối với các nhóm ngành nghề tại danh mục được UBND tỉnh quy định.

Điều 14. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ đào tạo nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng) cho các đối tượng là người lao động, học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tốt nghiệp trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số hoặc người khuyết tật, người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo; công dân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an vào học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Mức hỗ trợ tiền ở không quá 800 nghìn đồng/người/khóa học đối với người học nghề ở tập trung tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Hỗ trợ đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đối với Công dân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an vào học giáo dục nghề nghiệp; người lao động, học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số (không thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; chính sách nội trú theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg

ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp).

a) Mức hỗ trợ học phí trình độ trung cấp: Bằng 70% mức thu học phí theo chuyên ngành đào tạo của các trường cao đẳng, trường trung cấp trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành, thời gian được hỗ trợ bằng số tháng thực tế học chương trình giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá 20 tháng/khóa học;

b) Mức hỗ trợ học phí trình độ cao đẳng: Bằng 70% mức thu học phí theo chuyên ngành đào tạo của các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành, thời gian được hỗ trợ bằng số tháng thực tế học chương trình giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá 30 tháng/khóa học.

Chương V

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC CÓ TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ CÔNG LẬP

Điều 15. Đối tượng áp dụng

1. Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế có trình độ sau đại học làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tuyển tỉnh, tuyển xã.

2. Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp bác sỹ, có trình độ bác sỹ đa khoa trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp y tế tuyển xã.

Điều 16. Điều kiện hưởng chính sách

Viên chức ngành y tế hưởng chính sách đãi ngộ hằng tháng phải có đủ các điều kiện sau:

1. Viên chức y tế khối điều trị tại các đơn vị sự nghiệp y tế tuyển tỉnh có bằng chuyên khoa các chuyên ngành điều trị phù hợp với vị trí việc làm, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh; Viên chức khối y tế dự phòng có bằng chuyên môn sau đại học phù hợp với vị trí việc làm, trực tiếp làm công tác y tế dự phòng tại các cơ sở y tế dự phòng tuyển tỉnh, cơ sở y tế tuyển xã; Viên chức tại cơ sở y tế tuyển xã có bằng tốt nghiệp bác sỹ đa khoa trở lên.

2. Được cơ quan, đơn vị đánh giá kết quả của năm trước liền kề xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Được tập thể đơn vị bình xét, đề xuất.

Điều 17. Mức hỗ trợ đãi ngộ

1. Viên chức có trình độ tiến sỹ y khoa, bác sỹ chuyên khoa cấp II các chuyên ngành điều trị, bác sỹ nội trú; tiến sỹ, chuyên khoa cấp II các chuyên ngành: dược, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y học.

a) Nhóm 1: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Lao, tâm thần, truyền nhiễm, X quang, hồi sức cấp cứu, điều trị tích cực, ung bướu,

Gây mê hồi sức được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ = 1,2 x Mức lương cơ bản;

b) Nhóm 2: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa, giải phẫu bệnh được: Số tiền đãi ngộ = 0,95 x Mức lương cơ bản;

c) Nhóm 3: Làm nhiệm vụ tại các cơ sở y tế khác (ngoài 02 nhóm trên) được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ = 0,8 x Mức lương cơ bản.

2. Viên chức có trình độ thạc sỹ y khoa, bác sỹ chuyên khoa cấp I các chuyên ngành điều trị, bác sỹ nội trú; thạc sỹ, chuyên khoa cấp I các chuyên ngành: dược, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y học.

a) Nhóm 1: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Lao, Tâm thần, Truyền nhiễm, X quang, Hồi sức cấp cứu, điều trị tích cực, ung bướu, Gây mê hồi sức được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ = 0,8 x Mức lương cơ bản;

b) Nhóm 2: Làm nhiệm vụ tại các khoa, phòng điều trị về các bệnh: Nội khoa, ngoại khoa, sản khoa, nhi khoa, giải phẫu bệnh được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ = 0,65 x Mức lương cơ bản;

c) Nhóm 3: Làm nhiệm vụ tại các cơ sở y tế khác (ngoài 02 nhóm trên) được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ = 0,4 x Mức lương cơ bản.

3. Viên chức có trình độ bác sỹ công tác tại cơ sở y tế tuyến xã được hưởng đãi ngộ hằng tháng: Số tiền đãi ngộ = 0,4 x Mức lương cơ bản.

4. Mức lương cơ bản theo các mức hỗ trợ đãi ngộ trên không thay đổi (kể cả khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 21 tháng 5 năm 2018, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp) và được tính bằng công thức: 1,8 triệu đồng x (nhân) với hệ số lương của viên chức được hưởng chính sách đãi ngộ tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2026.” Đối với viên chức mới tuyển dụng sau 01/01/2026 lấy mức hệ số lương khi bắt đầu tuyển dụng.

Chương VI

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Điều 18. Đối tượng

1. Nhà giáo đến công tác tại các điểm trường thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cách xa trung tâm từ 100km trở lên (tính từ phường Yên Bái đến các điểm trường thuộc tỉnh Yên Bái, tính từ phường Lào Cai đến các điểm trường thuộc tỉnh Lào Cai trước hợp nhất).

2. Nhà giáo dạy học bằng hình thức song ngữ chuyên môn được đào tạo bằng Tiếng Anh, khi thực hiện thời lượng giảng dạy đảm bảo 50% số tiết dạy.

Điều 19. Chính sách đãi ngộ đối với nhà giáo

1. Đối tượng nhà giáo theo khoản 1 Điều 18 được hỗ trợ như sau:
 - a) Được hỗ trợ tiền thuê chỗ ở đối với các trường hợp đơn vị không bố trí được nhà ở công vụ: 1.000.000 đồng/tháng;
 - b) Được hỗ trợ tiền sinh hoạt phí hằng tháng. Mức hỗ trợ bằng mức tiền phụ cấp khu vực của nơi công tác.
2. Đối tượng nhà giáo theo khoản 2 Điều 18 được hỗ trợ 150% mức lương cơ sở; Thời gian hưởng 9 tháng/năm học.

Chương VII

CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH VÀ TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG PHƯỜNG, XÃ

Điều 20. Chính sách đãi ngộ đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công phường, xã

1. Hỗ trợ may quần áo đồng phục

Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai được hỗ trợ trang bị quần áo đồng phục: Mỗi năm 02 bộ Xuân - Hè và 01 bộ Thu - Đông. Mức kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 04 triệu đồng/người/năm. Đối với những đơn vị có quy định trang phục riêng thì thực hiện theo quy định của ngành. Hàng năm, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai lập dự toán gửi Sở Tài chính tỉnh Lào Cai thẩm định, trình Ủy Ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp kinh phí mua sắm đồng phục theo quy định.
2. Mức phụ cấp đãi ngộ hàng tháng:
 - a) Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (gồm cả công chức, viên chức của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh được cử đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công): 02 triệu đồng/người/tháng;
 - b) Công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công phường, xã: 1 triệu đồng/người/tháng.

Chương VIII

CHÍNH SÁCH “TRẢI THẢM ĐỎ” THU HÚT CÁC CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC ĐẦU NGÀNH LÀM VIỆC TẠI TỈNH LÀO CAI

Điều 21. Đối tượng áp dụng

1. Chuyên gia, nhà khoa học, nhân tài trong nước và quốc tế có trình độ từ tiến sĩ trở lên hoặc tương đương, có công trình, đề tài, sáng kiến khoa học được công nhận, có uy tín chuyên môn trong lĩnh vực phù hợp với nhu cầu phát triển của tỉnh.

2. Chuyên gia, nhà quản lý, kỹ sư, nghệ nhân bậc cao trong các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh như: quy hoạch và phát triển đô thị, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, y tế, giáo dục, chuyển đổi số, khoa học công nghệ, bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số, môi trường và biến đổi khí hậu.

Điều 22. Mức hỗ trợ, đãi ngộ

1. Các đối tượng quy định tại Điều 21, Quy định này thu hút về tỉnh tham gia các công trình, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học, giải pháp sáng kiến đổi mới kỹ thuật công nghệ hoặc xây dựng, phát triển các sản phẩm, tác phẩm từ cấp tỉnh trở lên được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt công nhận bằng văn bản thì cơ quan, đơn vị sử dụng chuyên gia báo cáo cơ quan có thẩm quyền cho phép hợp đồng trả thù lao theo thỏa thuận.

2. Được thưởng thêm theo kết quả, sản phẩm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, sáng kiến, có giá trị ứng dụng thực tế tại tỉnh (tối đa 30% giá trị đề tài hoặc hợp đồng ứng dụng).

3. Được bố trí nhà công vụ tiêu chuẩn cao hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà, tiền di chuyển trong thời gian hợp đồng (tối đa 120 triệu đồng/năm). (trừ trường hợp có xe đưa đón).

4. Được hỗ trợ chỗ ở cho gia đình, ưu tiên nhập học, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở chất lượng cao trong tỉnh.

5. Được bố trí phòng làm việc riêng, trang thiết bị và phương tiện nghiên cứu đầy đủ. Có thể làm việc linh hoạt (theo dự án, thời vụ hoặc bán thời gian), được ký hợp đồng chuyên gia đặc biệt với UBND tỉnh, các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Được ưu tiên chủ trì, tham gia đề tài khoa học cấp tỉnh, cấp quốc gia, dự án hợp tác quốc tế, chương trình chuyển giao công nghệ tại Lào Cai.

7. Được đề cử, xem xét khen thưởng, phong tặng danh hiệu; được tôn vinh, khen thưởng tại Chương trình “Trí thức tiêu biểu” tỉnh Lào Cai.

8. Được giới thiệu vào Hội đồng cố vấn khoa học và phát triển tỉnh Lào Cai – cơ quan tư vấn cho UBND tỉnh về chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển ngành, lĩnh vực.

Chương IX

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHO

CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC BIỆT PHÁI, LUÂN CHUYÊN

Điều 23. Đối tượng thụ hưởng chính sách

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh khi được cấp có thẩm quyền biệt phái, luân chuyển về làm việc tại các cơ quan, đơn vị cấp xã; (theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành).

2. Cán bộ, công chức cấp xã được cấp có thẩm quyền biệt phái lên làm việc tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành).

Điều 24. Điều kiện được hưởng chính sách

Đối tượng quy định tại Điều 22 được hưởng chính sách này khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định biệt phái, luân chuyển.
2. Khoảng cách từ nơi thường trú đến trụ sở cơ quan công tác mới hoặc từ cơ quan công tác cũ đến cơ quan công tác mới từ 25 km trở lên.

Điều 25. Các chính sách hỗ trợ biệt phái, luân chuyển

1. Hỗ trợ thuê nhà ở: Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức biệt phái, luân chuyển mà cơ quan, địa phương nơi chuyển đến chưa có hoặc không bố trí được nhà ở công vụ thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở hằng tháng cho đến khi cán bộ được bố trí nhà ở công vụ, cụ thể như sau:

a) Cán bộ được biệt phái, luân chuyển đến các phường trong tỉnh được hỗ trợ 1.500.000 đồng/tháng;

b) Cán bộ được biệt phái, luân chuyển đến các xã trong tỉnh được hỗ trợ 1.000.000 đồng/tháng.

2. Hỗ trợ tiền đi lại

Cán bộ biệt phái, luân chuyển được hỗ trợ tiền đi lại hằng tháng theo khoảng cách từ nơi thường trú (theo thực tế) đến trụ sở cơ quan công tác, trừ trường hợp có xe đưa đón như sau:

a) Từ 25 km đến dưới 50 km: 600.000 đồng/người/tháng;

b) Từ 50 km đến dưới 100 km: 900.000 đồng/người/tháng;

c) Từ 100 km trở lên: 1.200.000 đồng/người/tháng.

d) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, biệt phái đến cơ quan công tác mới, nhưng đã có nhà ở của gia đình tại địa phương được luân chuyển, biệt phái đến thì không được hưởng chính sách hỗ trợ thuê nhà ở, tiền đi lại.

3. Hỗ trợ sinh hoạt phí

a) Cán bộ biệt phái, luân chuyển đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tiền sinh hoạt phí hằng tháng. Mức hỗ trợ bằng mức tiền phụ cấp khu vực của nơi được biệt phái, luân chuyển đến;

b) Cán bộ nữ được cấp có thẩm quyền quyết định biệt phái, luân chuyển được hỗ trợ thêm 50% của mức hỗ trợ sinh hoạt phí quy định tại khoản a Điều này.

Điều 26. Thời gian không được tính hưởng các chính sách hỗ trợ

1. Thời gian đi công tác, làm việc, học tập từ 01 tháng trở lên;
2. Thời gian nghỉ việc không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên (trừ trường hợp ốm đau);
3. Thời gian bị tạm đình chỉ công tác do vi phạm pháp luật.

Điều 27. Thời gian hưởng chính sách hỗ trợ

1. Cán bộ, công chức, viên chức được hưởng các chính sách hỗ trợ kể từ ngày có quyết định biệt phái, luân chuyển cho đến hết thời hạn biệt phái, luân chuyển.
2. Cán bộ, công chức, viên chức được luân chuyển, biệt phái trước ngày chính sách này có hiệu lực và hiện vẫn đang công tác tại cơ quan, địa phương được luân chuyển, biệt phái đến thì được hưởng chính sách hỗ trợ cho thời gian còn lại đến khi hết thời hạn biệt phái, luân chuyển.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Đối với cán bộ, công chức; cán bộ, công chức cấp xã; Đại biểu HĐND cấp xã không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, người hoạt động không chuyên trách tại thôn, tổ dân phố; sinh viên: Kinh phí thực hiện chính sách do ngân sách nhà nước cấp.

2. Đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo một phần chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị, nguồn ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu hợp pháp khác;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ do ngân sách nhà nước cấp.

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với những đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức đang được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND) và Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND) đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực mà chưa hoàn thành khóa học hoặc nhận bằng tốt nghiệp thì tiếp tục hưởng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND đến khi được công nhận tốt nghiệp.

2. Đối với những đối tượng là học sinh, sinh viên đang được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND thì tiếp tục được hưởng đến hết năm học 2025 - 2026.

Điều 30. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.